

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2019/HS-ST
Ngày 19-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Nam** và ông **Trương Hoàng Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trịnh Minh Quân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Huỳnh Thị Tuyết L, sinh ngày 09-9-1990 tại Tiền Giang, số chứng minh nhân dân 312066291, nơi cấp: Công an Tiền Giang;

Nơi cư trú: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn L sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1971; Chồng: Huỳnh Quốc T sinh năm 1983; Con: 02 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án: 01 lần, Bản án số 77/2017/HSST ngày 04-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Tuyết L 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong vào ngày 18-3-2018; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09-6-2019, tạm giam ngày 12-6-2019 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. **Dương Thị T**, sinh năm 1967; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Nguyễn Thị Kim Th**, sinh năm 1969; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Huỳnh Quốc Th**, sinh năm 1983; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Mai Văn S**, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 618, ấp B, xã T, thành phố T, tỉnh Long An.

- Người làm chứng:

1. **Nguyễn Thị Bé N**, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1963; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 09-6-2019 bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 62B1-058.30 (xe của anh Huỳnh Quốc Th- Chồng bị cáo) đến chợ Phú Kiết để mua đồ thì phát hiện chị Dương Thị T đang mua rau và bỏ tiền vào túi áo khoác bên phải, bị cáo tiếp cận và dùng tay phải đưa vào túi áo khoác lấy số tiền 2.600.000 đồng thì bị chị T phát hiện nắm tay phải của bị cáo, nên bị cáo bỏ số tiền trên xuống đất tại nơi bị cáo và chị T đứng.

Ngoài ra bị cáo còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác cụ thể: Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26-5-2019 bị cáo đi chợ Phú Kiết mua đồ thì phát hiện chị Nguyễn Thị Kim Th đang mua trái cây có để cái bóp màu trắng trong túi áo khoác bên phải, bị cáo dùng tay lấy cái bóp của chị Th bỏ vào giỏ của mình, về nhà kiểm tra có số tiền 3.000.000 đồng và 01 giấy cầm đồ ở tiệm vàng Ngọc Sương, 01 giấy cầm đồ tiệm vàng Kim Điền, 01 chìa khóa tủ. Bị cáo lấy tiền, còn cái bóp và tài sản trong bóp bị cáo bỏ ở bên đường (không nhớ rõ chỗ nào).

Bản cáo trạng số 56/CT-VKSCG ngày 31-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang truy tố hành vi của bị cáo Huỳnh Thị Tuyết L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị Tuyết L từ 12 tháng – 18 tháng tù.

* Trách nhiệm bồi thường dân sự:

- Chị Dương Thị T yêu cầu nhận lại số tiền 2.600.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả cho chị Tuyết 2.600.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Kim Th yêu cầu bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho chị Th 3.000.000 đồng.

* Vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe mô tô biển số 62B1-058.30 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62B1-058.30 cho anh Huỳnh Quốc Th.

- Trả cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe tên Huỳnh Thị Tuyết L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Thị Tuyết L đã khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có cơ sở xác định: Từ khoảng thời gian vào ngày 26-5-2019 và ngày 09-6-2019 bị cáo đã thực hiện tổng cộng 02 vụ trộm, giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.600.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “ Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Như vậy hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Huỳnh Thị Tuyết L như phân tích trên, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo bất chấp pháp luật cố ý thực hiện tội phạm.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người trực tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”, ngoài ra bị cáo còn có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này tái phạm. Được quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó cần có mức án thật nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội. Tuy nhiên xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Lời luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và hướng giải quyết về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, Hội đồng xét xử có xem xét khi quyết định.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Gạo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

- Cần trả lại cho chị Dương Thị T 2.600.000 đồng (theo biên bản giao nhận vật chứng).

- Chị Nguyễn Thị Kim Th yêu cầu bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng, đối với các tài sản khác chị Th không yêu cầu bị cáo bồi thường. Xét yêu cầu của chị Th là có căn cứ, nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Th 3.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự

- Xe mô tô hiệu biển số 62B1-058.30 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Mai Văn S, tài sản trên là của anh Huỳnh Quốc Th. Việc bị cáo lấy xe đi, sau đó thực hiện hành vi trộm cắp anh Th không biết, nên cần trả lại cho anh Th.

- Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe tên Huỳnh Thị Tuyết L.

[7] Về án phí:

Bị cáo Huỳnh Thị Tuyết L phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Thị Tuyết L** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị Tuyết L** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09-6-2019.

+ Trách nhiệm dân sự (căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự và xử lý vật chứng (căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự).

- Trả lại cho chị Dương Thị T số tiền 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng

- Buộc bị cáo Huỳnh Thị Tuyết L phải có trách nhiệm bồi thường 3.000.000 (ba triệu) đồng cho chị Nguyễn Thị Kim Th.

Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trả lại cho anh Huỳnh Quốc Th: 01 (một) xe mô tô biển số 62B1-058.30 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62B1-058.30 mang tên Mai Văn S.

- Trả cho bị cáo: 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe tên Huỳnh Thị Tuyết L.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06-8-2019)

+ Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Huỳnh Thị Tuyết L phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

+ Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại, người liên quan có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo;
- Cơ quan Điều tra- Công an huyện Chợ Gạo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo;
- Nhà tạm giữ- Công an huyện Chợ Gạo;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phương